THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN PHÒNG UBND TỈNH CÀ MAU
Số: 960
ĐẾN Ngày: 28/3/16
Chuyển: PKT-Lan

Số: 132/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 1094/NQ-UBTVQH13 ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về cơ chế quản lý tài chính và biên chế áp dụng đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan;

b) Tổng cục Thuế; Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các đơn vị dự toán và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thuế;

c) Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương; các đơn vị dự toán và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Hải quan.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu

1. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu ngân sách nhà nước và các chức năng, nhiệm vụ được giao của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuế, hải quan, nhất là cải cách thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, đơn giản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tham gia vào quá trình giám sát công chức thuế, hải quan thực thi pháp luật.

3. Đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí đối với hoạt động của cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan, thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức thực hiện công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính.

4. Chủ động sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang thiết bị, công nghệ quản lý, bảo đảm điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng quản lý hiện đại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức Thuế, Hải quan.

Điều 3. Về biên chế

1. Biên chế của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan từ năm 2016 trở đi ổn định theo chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao đến tháng 3 năm 2015. Trên cơ sở đó, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan sắp xếp, bố trí sử dụng hợp lý số biên chế được giao theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Trong trường hợp đặc biệt, khi Chính phủ giao thêm chức năng, nhiệm vụ mới hoặc Nhà nước có quy định chia tách địa giới hành chính phải thành lập bổ sung các Cục, Chi cục Thuế, Hải quan, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Ngoài số biên chế được giao, đối với công việc không quy định phải do công chức thực hiện, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được thực hiện ký hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) theo mức ổn định là 1,8% trên dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Thuế thực hiện (không bao gồm: thu tại xã, thu xổ số kiến thiết, thu từ việc bán cổ phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, thu khác của ngân sách) và được tổng hợp trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định;

b) Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Hải quan (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) theo mức ổn định là 2,1% trên dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Hải quan thực hiện và được tổng hợp trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định.

2. Ngoài mức kinh phí được giao quy định tại khoản 1 Điều này, hàng năm Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước giao

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ;

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chương trình của Nhà nước;

- Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác của Chính phủ ngoài nhiệm vụ thường xuyên;

- Thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định;

b) Phí và lệ phí được phép để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí;

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác được sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo chủ trương và yêu cầu thay đổi chính sách hiện hành. Trường hợp do các yếu tố khách quan mà mức kinh phí được giao của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều này không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động của bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Nguồn kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 4 được phân bổ và giao dự toán cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan bảo đảm: chi đầu tư xây dựng tối thiểu 10%, chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị tối thiểu 25% và chi hoạt động thường xuyên tối đa 65% trên tổng dự toán chi được giao.

2. Nội dung sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động

a) Chi đầu tư xây dựng

- Thực hiện các dự án đầu tư, công trình của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Trong trường hợp cần thiết, phải tập trung vốn đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào khai thác, sử dụng dự án, công trình đang triển khai nhưng chưa bố trí đủ vốn, Bộ trưởng Bộ Tài chính được điều chuyển vốn đầu tư đã bố trí của dự án, công trình thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.

Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng.

b) Chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ;

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các chương trình, dự án của Bộ Tài chính có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Chi hoạt động thường xuyên: kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan gồm các nội dung sau:

- Chi thanh toán cá nhân (bao gồm cả chi tiền lương tăng thêm, chi khen thưởng theo chế độ do Nhà nước quy định, chi thuê khoán công việc và hợp đồng lao động thuê ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này);

- Chi quản lý hành chính và chi bảo đảm các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, gồm:

+ Chi các khoản dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền thông, liên lạc, hội nghị, công tác phí, thuê mướn (bao gồm cả thuê tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn của cơ quan thuế, hải quan) và một số khoản chi khác theo quy định;

+ Chi tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thuế, hải quan; hỗ trợ người nộp thuế;

+ Chi các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan nhằm ngăn chặn các hành vi trốn lậu thuế, vi phạm pháp luật và đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ thuế, hải quan;

+ Chi mua vật tư, ấn chỉ, ủy nhiệm thu thuế, trang phục, huấn luyện và nuôi chó nghiệp vụ, quản lý rủi ro và các khoản chi nghiệp vụ đặc thù khác;

+ Chi phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

+ Chi bồi thường thiệt hại cho tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật trong hoạt động nghiệp vụ;

+ Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo chương trình, kế hoạch;

+ Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ;

+ Chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đón, tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam, đóng góp niên liễm với các tổ chức quốc tế theo quy định;

+ Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức trong Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính;

+ Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức Đảng theo Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng; chi chế độ đối với cán bộ tự vệ; chi bảo đảm hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành;

+ Chi hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

+ Các khoản chi thường xuyên khác.

d) Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan chủ động sử dụng nguồn kinh phí phù hợp với nhu cầu thực tế, nhiệm vụ chuyên môn đặc thù và trong phạm vi kinh phí được giao. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng cho từng nhóm nội dung cụ thể.

Điều 6. Tiêu chuẩn, mức chi, chế độ chi

1. Các nội dung chi thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành các khoản chi đặc thù trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy định hiện hành, phù hợp tình hình cụ thể và khả năng nguồn kinh phí.

2. Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần và chi bổ sung thu nhập từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên không vượt quá 0,2 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm và bổ sung thu nhập không bao gồm phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ. Mức lương cơ sở để tính tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được điều chỉnh theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương của Nhà nước.

Việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nguyên

tắc công bằng, hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm

Hàng năm, số kinh phí tiết kiệm từ chi hoạt động thường xuyên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quyết định này, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được sử dụng cho các nội dung sau:

1. Sử dụng để bố trí cho các công trình đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị hiện đại hóa trong trường hợp cần thiết cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hóa ngành trong khi nguồn kinh phí theo quy định chưa đáp ứng được.

2. Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc những trường hợp đặc biệt khác; hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; hỗ trợ các hoạt động tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

3. Bổ sung thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân toàn Tổng cục tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp; trừ phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ).

4. Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan có thành tích đóng góp hỗ trợ cho hoạt động quản lý thuế, hải quan; chi phúc lợi tập thể.

Mức chi khen thưởng, phúc lợi trong Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

5. Số kinh phí còn lại sau khi đã sử dụng cho các nội dung chi tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 8. Kinh phí bảo đảm hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được bảo đảm kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí Nhà nước giao quy định tại Điều 4 của Quyết định này; được áp dụng chế độ chi tiêu theo quy định tại Quyết định này và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính

a) Hướng dẫn thi hành Quyết định này. Chỉ đạo Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách được phân bổ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, xây dựng và pháp luật khác có liên quan; thực hiện rà soát, luân chuyển, sắp xếp lại cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong từng Tổng cục và trong từng đơn vị trực thuộc Tổng cục. Kiểm tra, giám sát để bảo đảm các đơn vị tuân thủ theo đúng quy định tại Quyết định này;

b) Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm, xác định mức dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan; thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tối thiểu 10% mức dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này;

c) Ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu phù hợp với yêu cầu và hoạt động của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chế độ do Nhà nước quy định;

d) Quý III năm 2020, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này, trên cơ sở đó báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan cho giai đoạn tiếp theo.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm của Bộ Tài chính tương ứng với mức dự toán Bộ Tài chính thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại điểm b khoản 1 Điều này để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này;

b) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng được phân bổ cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tuân thủ đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí nhà nước và danh mục, kế hoạch đăng ký;

3. Kinh phí bảo đảm hoạt động giao cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan (bao gồm cả các quỹ) từ năm 2015 trở về trước còn dư chưa sử dụng, thanh toán được tiếp tục sử dụng cho nhiệm vụ chuyên môn, chi đầu tư phát triển, mua sắm tài sản, hiện đại hóa trang thiết bị. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc sử dụng số kinh phí nêu trên bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 và áp dụng từ năm ngân sách 2016 đến năm ngân sách 2020. Bãi bỏ Quyết định số 16/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2011-2015.

5. Các Bộ trưởng: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy han Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 425

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng